

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 125/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 19 / 4 / 2021

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Thái Chí Bình.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Hoàng Thị Thiện Lai;

2. Bà Phan Thị Nga.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Kiệt, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 924/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2020 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 150/2021/QĐST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Mai Hữu Đ, sinh năm 1982; địa chỉ: ấp B, xã H, huyện C, tỉnh An Giang; có mặt.

Bị đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1983; địa chỉ: ấp B, xã H, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Mai Hữu Đ trình bày, qua tìm hiểu, ông Đ và bà Trần Thị T chung sống với nhau vào năm 2003, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 02 con chung tên Mai Hữu Đ1, sinh ngày 12/11/2004 và Mai Hữu T1, sinh ngày 23/8/2009. Hiện tại,

con chung đang được bà T nuôi dưỡng. Vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung.

Trong thời gian sống chung, bà T thường xuyên đi vắng nhà để đánh bạc, ông Đ có khuyên ngăn nhiều lần nhưng bà T không sửa đổi. Vợ chồng không còn chung sống cách nay khoảng 05 tháng.

Do tình cảm vợ chồng không còn nên ông Đ yêu cầu được ly hôn với bà T; đồng ý để bà T được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng 02 con chung, ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện: Giấy khai sinh số 234 ngày 10/5/2006 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện C cấp đối với cháu Mai Hữu Đ1 (bản sao); Giấy khai sinh số 459 ngày 01/9/2009 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện C cấp đối với cháu Mai Hữu T1 (bản sao).

- Bị đơn bà Trần Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn trình bày ý kiến, yêu cầu như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và xác định không còn tài liệu, chứng cứ nào khác giao nộp cho Tòa án chứng minh cho ý kiến, yêu cầu của nguyên đơn.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, ông Đ và bà T chung sống vào năm 2003, không đăng ký kết hôn nên không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận ông Đ, bà T là vợ chồng theo Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về con chung, đề nghị chấp nhận ý kiến của ông Đ, giao các cháu Đ1, T1 cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng, ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, do đương sự không yêu cầu nên đề nghị không đề cập giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 14, khoản 2 Điều 53, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, không công nhận ông Đ, bà T là vợ chồng; giao các cháu Đ1, T1 cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng, ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Ông Mai Hữu Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Trần Thị T. Đồng thời, bà T cư trú trên địa bàn huyện C. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Ông Mai Hữu Đ khai, sau thời gian tìm hiểu, ông Đ và bà T chung sống vào năm 2003 nhưng không đăng ký kết hôn.

Xét, ông Đ và bà T chung sống với nhau vào năm 2003 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Vì vậy, không công nhận ông Đ và ông bà T là vợ chồng theo khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung:

Trong thời gian chung sống, ông Đ, bà T có sinh 02 con chung tên Mai Hữu Đ1, sinh ngày 12 tháng 11 năm 2004 và Mai Hữu T1, sinh ngày 23 tháng 8 năm 2009. Xét thấy, các cháu Điền, Thông đang được bà T chăm sóc, nuôi dưỡng, phát triển ổn định. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho các cháu Đ1, T1, giúp các con chung phát triển tốt về thể chất, tinh thần, Hội đồng xét xử giao các cháu Đ1, T1 cho bà T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng; ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Đ xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông Đ phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bà T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Không công nhận ông Mai Hữu Đ và bà Trần Thị T là vợ chồng.

2. Về con chung:

Bà Trần Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung tên Mai Hữu Đ1, sinh ngày 12 tháng 11 năm 2004 và Mai Hữu T1, sinh ngày 23 tháng 8 năm 2009. Ông Mai Hữu Đ không phải cấp dưỡng nuôi dưỡng con chung.

Bà Trần Thị T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Mai Hữu Đ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí sơ thẩm: Ông Mai Hữu Đ phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2016/0008979 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang cấp ngày 19 tháng 11 năm 2020; ông Mai Hữu Đ đã nộp đủ án phí.

Bà Trần Thị T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Mai Hữu Đ có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của bà Trần Thị T được tính là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chợ Mới (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện C (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Chí Bình